TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/DS - PT
Ngày: 04/3/2022
V/v "tranh chấp quyền về tưới, tiêu nước trong canh tác"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Lê Thị Hồng Vân – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2022 về *"Tranh chấp quyền về tưới, tiêu nước trong canh tác"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS – ST ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2021/QĐ – PT ngày 15 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1961; (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 260, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú hiện nay: Tổ NDTQ số 6, ấp Đ (ấp P), xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:*

1. Ông Quách Văn H1, sinh năm 1941; (Chết ngày 23/12/2020).

2. Bà Quách Thị H2, sinh năm 1963; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H1:*

1. Bà Quách Thị H2, sinh năm 1963;

2. Chị Quách Thị G, sinh năm 1980; (có mặt)

3. Bà Quách Thị Đ, sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: Ấp P1, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Quách Thị B, sinh năm 1969; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

5. Bà Quách Thị T, sinh năm 1975; (có mặt)

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Bà Quách Thị N, sinh năm 1968; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

7. Chị Quách Thị D, sinh năm 1977; (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 316, ấp P2, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Quách Thị Đ:* Bà Quách Thị H2 (Văn bản ủy quyền ngày 14/6/2021).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Quách Thị Thùy D, sinh năm 1995;

2. Bà Huỳnh Thị B1, sinh năm 1957; (xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1941;

4. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1964;

5. Ông Nguyễn Thị H4, sinh năm 1964;

6. Anh Nguyễn Thị H5, sinh năm 1984;

7. Anh Nguyễn Thế H6, sinh năm 1989;

8. Anh Nguyễn Thế H7, sinh năm 1997;

9. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Số nhà 260, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Kim A, bà H3, bà H4, anh H6, anh H7 và bà L:* Ông Nguyễn Thế H, anh Nguyễn Thị H5 (Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2021). (có mặt)

10. Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Ngô Thanh Q – Chức vụ: Chủ tịch.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nguyễn Thế H; bị đơn Quách Thị H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Thế H trình bày:

Hiện hộ ông đang quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ 17, tọa lạc tại ấp Đ (ấp P cũ), xã P, huyện C. Trước đây, đường dẫn nước và tiêu thoát nước từ thửa đất của ông đi qua thửa đất số 29, thửa đất số 30, thửa đất số 21, cùng tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Quách Văn H1 (đã chết) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hiện do bà Quách Thị H2 quản lý, sử dụng) và thửa 53, tờ bản đồ số 17 của bà Huỳnh Thị B1 để nối vào miệng cống công cộng. Đường dẫn và tiêu thoát nước này có chiều rộng khoảng 1.2m và chiều dài khoảng 50m, gia đình ông H đã sử dụng từ năm 1980 sau khi ông mua đất của người khác.

Ngày 26/12/2019, gia đình ông H1, bà H3 đã lấp một đoạn đường nước có chiều rộng khoảng 1.2m và chiều dài khoảng 04m phía giáp ranh đất của ông với đất của ông H1 làm cho phần đất của ông phía trong không có lối dẫn nước vào cũng như khi mưa lớn không tiêu thoát nước được ảnh hưởng nghiêm trọng đến năng suất cây trồng. Khi ông H1, bà H3 san lấp lối dẫn nước thì ông có ngăn cản, sau đó có làm đơn yêu cầu UBND xã P, huyện C hòa giải nhưng không thành.

Ngoài việc cấp, tiêu, thoát nước qua đất do ông Quách Văn H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ gia đình ông không còn lối nào khác để cấp, tiêu, thoát nước vì vậy việc không có đường cấp, tiêu, thoát nước gây thiệt hại đến khu vườn hiện đang trồng bưởi của ông.

Đối với đường nước của ông Nguyễn Văn Sáu H8 (ông 6 H8), bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị H9 theo như lời bà H3 nêu là không đúng vì từ trước đến nay ông không thoát nước qua đất của những người này.

Ông khởi kiện yêu cầu bà Quách Thị H2 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H1 có nghĩa vụ khai thông đường nước phần bà H3 đã lấp có chiều rộng khoảng 1.2m và chiều dài khoảng 04m thuộc thửa đất 30, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre nếu bị đơn không đồng ý thì ông yêu cầu được đặt ngầm đường ống cấp, thoát nước đường kính 31.5cm tương đương phi 315 tuy nhiên ông cũng biết việc đặt đường nước sẽ ảnh hưởng đền quyền sử dụng đất của ông H1 vì vậy để bớt gây thiệt hại cho các con ông H1, đồng thời

phần đất của ông diện tích dưới 3000m^2 và hiện đang trồng bưởi nên nhu cầu tưới, tiêu nước không nhiều vì vậy nay ông chỉ khởi kiện yêu cầu được đặt ngầm đường ống cấp, thoát nước có đường kính 25cm tương đương phi 250 theo hiện trạng đường nước lộ thiên đã sử dụng từ trước đến nay đi qua thửa đất số 29, thửa đất số 30 và thửa đất số 21 cùng tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Quách Văn H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông tự nguyện hỗ trợ giá trị quyền sử dụng đất cho bị đơn theo kết quả định giá của Hội đồng định giá đã quyết định.

Ngoài ra trước đây ông còn có yêu cầu trong trường hợp bị đơn không đồng ý cho ông khai thông lại đường nước cũ bị ngăn chặn hoặc được đặt ống cấp, thoát nước thì ông yêu cầu được đặt ngầm đường ống cấp, thoát nước trên taluy tuyến đường giao thông nông thôn đang xây dựng cũng nằm trên đất của ông H1 để nối vào cống thoát nước chung tuy nhiên ông thấy yêu cầu này ảnh hưởng đến đường do nhà nước quản lý nên ông không còn giữ yêu cầu phương án này.

Đối với bà Huỳnh Thị B1 là chủ sử dụng thửa đất đất số 53, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại Ấp Đ, xã P, huyện C cũng đồng ý để ông sử dụng đường nước phần đi qua đất của bà B1.

Ông thống nhất với kết quả đo đạc ngày 24/6/2021, định giá ngày 22/01/2021 mà ông đã nhận được và do hiện trạng đường nước đến nay không có gì thay đổi vì vậy đương sự không có yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng ông Quách Văn H1 là bà Quách Thị H2 trình bày:

Phần đất mà ông H khởi kiện yêu cầu mở đường nước là do ông H1 đứng tên quyền sử dụng đất nhưng ông H1 hiện đã chết, khi ông H1 sống và sau khi ông chết bà là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất. Đất này cha bà ông Quách Văn H1 đã làm di chúc tặng cho tất cả các con ông H1 và cháu nội là chị Quách Thị Thùy D nhưng chưa sang tên. Bà thừa nhận trên hai phần đất của ông H1 có đường nước do ông H, ông H1, bà Huỳnh Thị B1 cùng sử dụng để thoát nước ra miệng cống công cộng ngang đường giao thông trước cửa nhà ông H1. Khi Nhà nước giải phóng mặt bằng thi công làm lộ giao thông nông thôn như hiện nay, gia đình bà đã có nói với ông Nguyễn Thế H về việc gia đình đồng ý cho đặt ống thoát nước qua phần đất ngang lộ cũng do ông H1 đứng tên quyền sử dụng để ông H làm đường dẫn và thoát nước vào vườn ông H nhưng ông H không đồng ý.

Đường nước theo yêu cầu của ông H đi ngang qua đất của nhiều chị em trong gia đình bà cho nên có ảnh hưởng đến vườn cây chôm chôm của gia đình đang trồng còn đất ông H thì trồng bưởi nên việc xử lý nước cho cây trồng giữa các bên gặp nhiều khó khăn nhất là việc gia đình bà xử lý cho chôm chôm ra trái nghịch vụ. Ông

H có lối dẫn thoát nước qua đất ông H1 là đúng nhưng chỉ là mới sử dụng gần đây từ khoảng năm 2014 do khi Nhà nước làm đường bê tông đã lấp con mương của ông H nằm song song với con đường hiện nay và lấp luôn đường nước đi ngang, khi đó ông H mới cho thoát nươc qua đất ông H1 đến khi hai bên tranh chấp cuối năm 2019 và gia đình bà lấp lại cho đến bây giờ, khi lấp đường nước con trai ông H còn đòi chém bà. Trước khi lấp đường dẫn nước gia đình bà cũng có thông báo để ông H làm đường nước khác nhưng ông không thực hiện giờ phải tự tìm đường thoát nước.

Theo bà khi mở đường nước cho ông H thì sau này sẽ có nhiều chuyện phức tạp, rắc rối, mâu thuẩn từ đây về sau vì các chị em bà dự định mỗi người sẽ được chia một nền ven mặt tiền đường để xây dựng nhà ở, buôn bán nếu mà cho ông H đặt ngầm đường nước qua đất khi đường nước bị hư hỏng phải sửa chữa, thay thế thì sẽ ảnh hưởng đến công trình xây dựng trên đất của gia đình bà thậm chí có thể xảy ra xung đột bằng vũ lực của hai bên.

Theo bà biết ngoài đường nước qua đất của ông H1, ông H còn có nhiều đường thoát nước khác như qua đất ông H8 (ông Nguyễn Văn S), bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị H9

Vì vậy bà không đồng ý yêu cầu của ông H về việc mở đường thoát nước theo yêu cầu của ông H. Bà chỉ đồng ý cho phía ông H mở đường thoát nước qua phần đất ngang con đường đang làm để chảy vào mương nước công cộng bên hông phải nhà ông H1 theo như hiện trạng bà đã xác định khi Tòa án xem xét, thẩm định tại thực địa vì đó là đường thoát nước thuận tiện nhất cho cả hai gia đình và hiện gia đình bà cũng đang sử dụng đường nước này, ông H sử dụng đường này cũng không ảnh hưởng đến việc tưới, tiêu cho cây trồng của cả hai bên.

Bị đơn thống nhất với kết quả đo đạc ngày 24/6/2021, định giá ngày 22/01/2021 mà bà đã được Tòa án công bố, đã nhận được và do hiện trạng đường nước đến nay không có gì thay đổi vì vậy các đương sự không có yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Trong quá trình tố tụng, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng ông Quách Văn H1 là bà Quách Thị N trình bày:

Bà là con ông Quách Văn H1, ông H1 nay đã chết, bà cũng đã nghe rõ và hiểu rõ lời trình bày của chị bà là bà Quách Thị H2, bà thống nhất với lời trình bày của bà H3.

Trong quá trình tố tụng, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng ông Quách Văn H1 là chị Quách Thị G trình bày:

Chị là em bà Quách Thị H2, chị thống nhất với lời trình bày của bà H3. Do công việc nên đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị, chị cam kết không khiếu nại, thắc mắc về sau.

Trong quá trình tố tụng, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng ông H1 là bà Quách Thị B, bà Quách Thị T và chị Quách D cùng trình bày:

Bà B1, bà T, chị D không đồng ý với yêu cầu và các phương án do ông H đưa ra và chỉ đồng ý cho ông H mở đường nước khác, chỉ cho mở lại đường nước cũ vì đường từ ngày xưa ông H cũng từng thoát nước bằng đường này, đường nước đi thẳng vô đất ông H không ảnh hưởng đến ai, đường nước thuộc thửa đất số 253, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.443,1m^2 tọa lạc tại Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Quách Thị Thùy D trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của bà H3, bà H3 có mối quan hệ là cô ruột của chị, cha chị cũng đã chết, chị không có ý kiến gì thêm.

Trong quá trình tố tụng, Ủy ban nhân dân xã P, huyện C trình bày:

Theo kết quả đo đạc hiện trạng mà Ủy ban nhân dân xã P được Tòa án thông báo thì thửa 1014 - 1 là đất giao thông, thửa 2003 - 1 là đất thuỷ lợi, cả hai thửa đều hiện do Ủy ban nhân dân xã P quản lý vì vậy việc bà Quách Thị H2 có ý kiến đề nghị Tòa án mở cho ông H đường nước đi ngang đường giao thông nước thì Ủy ban nhân dân xã P không đồng ý mở do ảnh hưởng đến đường giao thông.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị B1 trình bày:

Trên phần đất của bà thuộc thửa 53, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre hiện có một đường nước rộng khoảng 50cm, sâu khoảng 60cm, phần đất này trước đây khi bà nhận chuyển nhượng từ người khác thì đã có đường nước, do đất bà mua từ năm 2018 nên không bà cũng không biết đường nước có từ khi nào, khi đó ông Quách Văn H1, ông Nguyễn Thế H đã sử dụng được nước qua đất của bà; đất bà ở phía bên ngoài nên bà tự nguyện cho ông H, gia đình ông H1 sử dụng đường nước và không yêu cầu bồi thường thiệt hại tuy nhiên bà cho đường nước chứ bà không cho đo tách đường nước ra khỏi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện C đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS – ST ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế H về việc yêu cầu những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Quách Văn H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải có nghĩa vụ mở đường tưới, tiêu nước.

2. Buộc bà Quách Thị H2, bà Quách Thị N, bà Quách Thị Đ, bà Quách Thị B, bà Quách Thị T, chị Quách Thị G, chị Quách Thị D và chị Quách Thị Thùy D phải

có nghĩa vụ mở cho ông Nguyễn Thế H một đường nước thuộc thửa 30 - 2 có diện tích 4.2m^2, thửa 29 - 1 có diện tích 2.2 m^2 và thửa 21 - 2 có diện tích 7.0m^2 cùng tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại tọa lạc tại Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Thế H có quyền đặt ngầm đường ống tưới, tiêu nước có đường kính 25cm tại đường nước được chấp nhận yêu cầu.

(Có họa đồ thửa đất kèm theo là một bộ phận không thể tách rời của bản án).

Đường nước có tổng diện tích 13.4 m^2, có các tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp miệng cống và phần còn lại thửa đất số 21, 29 và 30 cùng tờ bản đồ số 17 của ông Quách Văn H1;

Phía Nam giáp phần còn lại thửa đất số 21, 29 và 30 cùng tờ bản đồ số 17 của ông Quách Văn H1;

Phía Đông giáp thửa đất số 52, tờ bản đồ số 17 của ông Nguyễn Thế H;

Phía Tây giáp còn lại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 17 của ông Quách Văn H1.

3. Buộc ông Nguyễn Thế H phải có nghĩa vụ hỗ trợ cho bà Quách Thị H2, bà Quách Thị N, bà Quách Thị Đ, bà Quách Thị B, bà Quách Thị T, chị Quách Thị G, chị Quách Thị D và chị Quách Thị Thùy D số tiền 26.800.000 đồng (Hai mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Ghi nhận việc bà Huỳnh Thị B1 tự nguyện dành cho ông Nguyễn Thế H một đường tưới, tiêu nước nước thuộc thửa 53, tờ bản đồ số 17 và bà B1 không yêu cầu ông H bồi thường.

6. Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất của bà Quách Thị H2, bà Quách Thị N, bà Quách Thị Đ, bà Quách Thị B, bà Quách Thị T, chị Quách Thị G, chị Quách Thị D và chị Quách Thị Thùy D đối với phần diện tích đất mà ông Nguyễn Thế H được chấp nhận yêu cầu.

Ông Nguyễn Thế H được quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất của bà Quách Thị H2, bà Quách Thị N, bà Quách Thị Đ, bà Quách Thị B, bà Quách Thị T, chị Quách Thị G, chị Quách Thị D và chị Quách Thị Thùy D đối với phần đường tưới, tiêu nước được quyền sử dụng, phạm vi sử dụng có chiều sâu 2.5m tính từ mặt đất tự nhiên trung bình và tuân thủ các điều kiện đảm bảo trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/11/2021 ông Nguyễn Thế H kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xác định lại diện tích phải chịu ảnh hưởng do phải đặt ngầm đường ống tưới, tiêu theo thực tế và yêu cầu bị đơn chịu chi phí tố tụng, nguyên đơn không có tự nguyện chịu chi phí này.

Ngày 18/11/2021, bà Quách Thị H2 kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bị đơn sẽ mở đường nước ở vị trí phía sau đất của bị đơn ra đường công cộng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, theo ông đặt ống chôn ngầm dưới đất thì phần đất bị ảnh hưởng của bị đơn là không nhiều nên ông yêu cầu xem xét lại phần bồi thường thiệt hại. Về chi phí tố tụng, ông H không có tự nguyện chi phí này, theo quy định của pháp luật thì bị đơn phải là người chịu chi phí này vì yêu cầu của ông được chấp nhận.

Bị đơn bà H3 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý cho nguyên đơn mở đường nước như bản án sơ thẩm, gia đình bà sẽ cho ông H đặt ống ngầm ở vị trí đuôi đất của thửa 30 dẫn vào đường nước hiện có, nếu ông H đồng ý thì bị đơn không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H3, chấp nhận kháng cáo của ông H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại cho bị đơn với số tiền 8.040.000 đồng và buộc bị đơn chịu chi phí tố tụng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/01/2021 của Tòa án, kết quả đo đạc ngày 24/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, thể hiện phần đất ông Nguyễn Thế H thuộc thửa 52, tờ bản đồ số 17 có tứ cận là phía bắc giáp đường phục vụ du lịch ven sông Tiền, phía nam giáp đất bà Nguyễn Thị H9, bà Nguyễn Thị C, phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn D2, hiện đang bị vây bọc bởi các bất động sản và không có đường nước.

[2] Theo ông H trình bày trước đây, đường dẫn nước và tiêu thoát nước từ thửa đất của ông đi qua thửa đất số 21, thửa đất số 29, thửa đất số 30, cùng tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Quách Văn H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thửa đất số 53, tờ bản đồ số 17 của bà Huỳnh Thị B1. Đường dẫn và tiêu thoát nước này có chiều rộng khoảng 1.2m và chiều dài khoảng 50m, gia đình ông H đã sử dụng từ năm 1980 sau khi ông chuyển nhượng đất của người khác. Bị đơn bà H3 cũng thừa nhận ông H sử dụng đường nước này từ khoảng năm 2014 và bà không đồng ý mở đường nước theo yêu cầu của ông H vì đường nước đi ngang qua đất của nhiều chị em trong gia đình bà cho nên có ảnh hưởng đến vườn cây đang trồng chôm chôm và sẽ còn có nhiều chuyện phức tạp, rắc rối, mâu thuẩn từ đây về sau vì vậy mà ngày 26/12/2019, bà H3 đã dùng đất lấp một đoạn đường nước có chiều rộng khoảng 1.2m và chiều dài khoảng 04m mà ông H đang sử dụng.

Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương, nội dung biên bản hoà giải ngày 16/6/2021 của Tòa án thể hiện, trước đây ông H1 và ông H có hùn nhau làm cống đường kính khoảng 3 tấc dùng để thoát nước chung, khi Nhà nước tiến hành thi công đường phục vụ du lịch ven sông Tiền đã tiến hành làm lại cống khác như hiện tại; lời trình bày của người làm chứng ông Nguyễn Văn Trận, ông Nguyễn Văn Trưng cũng xác nhận đường nước của ông H sử dụng qua đất ông H1 đã có từ trước. Mặt khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị B1 là người đứng tên thửa đất số 53, tờ bản đồ số 17 có vị trí ở phía bên ngoài thửa đất của ông H1, ông H cũng xác định là khi bà mua đất năm 2018 đã có đường nước theo hiện trạng từ trước.

Trong quá trình tố tụng, bà H3 cho rằng ông H còn có đường nước qua đất ông Nguyễn Văn S (ông 6 H8), bà Nguyễn Thị H9, bà Nguyễn Thị C chứ không phải chỉ có đường nước qua đất ông H1 là duy nhất tuy nhiên theo kết quả làm việc, xác minh của Tòa án đối với ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị C, hai người này khẳng định ông H không có đường nước qua đất của họ, riêng bà Nguyễn Thị H9 thì trình bày do khi các bên tranh chấp Ủy ban nhân dân xã P có đến vận động bà để khai đường nước tạm cho ông H sử dụng chờ giải quyết tranh chấp chứ bà không đồng ý cho ông H mở đường nước qua đất của bà. Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu mở đường nước của ông H là phù hợp, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông H là có căn cứ.

Theo kháng cáo của bà H3, bà đồng ý cho ông H mở đường nước sau đất của gia đình bà tuy nhiên ông H không đồng ý vì đường nước này đi xa, qua nhiều hộ rất khó khăn cho việc đặt ống. Xét thấy, đường nước ông H yêu cầu là thuận lợi và ít gây thiệt hại nhất cho các bên nên kháng cáo của bà H3 không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, về độ sâu của đường ống đặt ngầm dưới đất, theo bản án sơ thẩm tuyên phạm vi sử dụng có chiều sâu 2.5m tính từ mặt đất tự nhiên trung bình là chưa hợp lý. Bởi lẽ, tại phiên tòa phúc thẩm, ông H trình bày các mương nước xung quanh đều có độ sâu từ 0,8 – 1,2 mét, do đó, cần thiết sửa phần này của bản án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thế H:

Đường nước ông H yêu cầu là đường ống ngầm, được chôn dưới lòng đất nên thiệt hại về quyền sử dụng đất của bị đơn là rất thấp, bản án sơ thẩm tuyên buộc ông H hoàn trả 100 % giá trị quyền sử dụng đất cho bị đơn là gây thiệt hại cho ông H. Tuy nhiên, ông H cũng đồng ý hỗ trợ một phần thiệt hại cho bị đơn nên được ghi nhận, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông H bồi thường thiệt hại cho bị đơn số tiền 10.000.000 đồng là phù hợp.

Về chi phí tố tụng: Theo quy định tại Điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, bị đơn phải chịu chi phí tố tụng do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, do đó, kháng cáo này của ông H được chấp nhận.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Kháng cáo được chấp nhận nên ông H không phải chịu án phí. Kháng cáo không được chấp nhận nên bà H3 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thế H.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Quách Thị H2.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS – ST ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 248, Điều 253 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 171 Luật đất đai năm 2013 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế H về việc yêu cầu những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Quách Văn H1, bà Quách Thị H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải mở đường tưới, tiêu nước.

2. Buộc bà Quách Thị H2, bà Quách Thị N, bà Quách Thị Đ, bà Quách Thị B, bà Quách Thị T, chị Quách Thị G, chị Quách Thị D và chị Quách Thị Thùy D phải có nghĩa vụ mở cho ông Nguyễn Thế H một đường nước thuộc thửa 30 - 2 có chiều dài 13.89 m, thửa 29 - 1 có chiều dài 8.8 m và thửa 21 - 2 có chiều dài 7.6 m + 3.79 m + 0.67 m cùng tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại tọa lạc tại Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Thế H được đặt ngầm đường ống tưới, tiêu nước có đường kính 25cm tại đường nước được chấp nhận yêu cầu nêu trên, phạm vi sử dụng có chiều sâu từ 0,8 m – 1,2 m tính từ mặt đất tự nhiên trung bình và phải tuân thủ các điều kiện đảm bảo trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định.

(Có họa đồ thửa đất kèm theo).

3. Buộc ông Nguyễn Thế H phải có nghĩa vụ hỗ trợ cho bà Quách Thị H2, bà Quách Thị N, bà Quách Thị Đ, bà Quách Thị B, bà Quách Thị T, chị Quách Thị G, chị Quách Thị D và chị Quách Thị Thùy D số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Ghi nhận việc bà Huỳnh Thị B1 tự nguyện dành cho ông Nguyễn Thế H một đường tưới, tiêu nước nước thuộc thửa 53, tờ bản đồ số 17 và bà B1 không yêu cầu ông H bồi thường.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn Quách Thị H2 và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Quách Văn H1 phải liên đới chịu số tiền 9.513.000 đồng (chín triệu năm trăm mười ba nghìn đồng). Do ông H đã nộp tạm ứng chi phí này

nên buộc bà Quách Thị H2, bà Quách Thị N, bà Quách Thị Đ, bà Quách Thị B, bà Quách Thị T, chị Quách Thị G, chị Quách Thị D và chị Quách Thị Thùy D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thế H số tiền 9.513.000 đồng (chín triệu năm trăm mười ba nghìn đồng).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Quách Thị H2, bà Quách Thị N, bà Quách Thị Đ, bà Quách Thị B, bà Quách Thị T, chị Quách Thị G, chị Quách Thị D và chị Quách Thị Thùy D phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Thế H số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001523 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

7. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Quách Thị H2 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001140 ngày 18/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Ông Nguyễn Thế H được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Dũng